

Số /BC - BCT

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI THÁNG 9 NĂM 2024

I. BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Năm 2024, phát triển kinh tế - xã hội cả nước nói chung và ngành Công Thương nói riêng tiếp tục diễn ra trong bối cảnh thế giới được dự báo tiếp tục có những chuyển biến lớn và khó lường với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Kinh tế toàn cầu dự báo tiếp tục đối mặt với những thách thức từ tăng trưởng yếu và lạm phát tăng cao, tăng trưởng dự kiến sẽ chậm lại chủ yếu do việc thắt chặt chính sách tiền tệ được thực hiện trong hai năm qua. Sự bất ổn, không chắc chắn của kinh tế toàn cầu đang ở mức cao nhất trong nhiều năm, tác động đến ổn định kinh tế vĩ mô và triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế có độ mở lớn của nước ta trong thời gian tới. Xu hướng phi toàn cầu hoá đang trở nên mạnh mẽ, chính sách bảo hộ xuất hiện trở lại ở nhiều nước dưới các hình thức khác nhau. Các nước phát triển càng ngày càng quan tâm nhiều đến các vấn đề an toàn cho người tiêu dùng, phát triển bền vững, chống biến đổi khí hậu, từ đó dựng lên những tiêu chuẩn và quy định mới liên quan đến chuỗi cung ứng, nguyên liệu, lao động, môi trường đối với các sản phẩm nhập khẩu (dự luật chống phá rừng, CBAM của EU; Mỹ nâng cao và gắn các tiêu chuẩn lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ... với thương mại); Xu hướng dịch chuyển nguồn cung về gần thị trường tiêu thụ để giảm thiểu các rủi ro gián đoạn nguồn hàng ngày càng rõ nét. Xu hướng phát triển kinh tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế số ngày càng rõ nét và đang định hình lại các hình thức, loại hình dự án FDI trên toàn cầu. Việc các nước đang tiến tới áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu có thể ảnh hưởng nhất định đến dòng vốn đầu tư trực tiếp toàn cầu và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của mỗi nước. Đồng thời, đầu tư toàn cầu có xu hướng dịch chuyển mạnh sang lĩnh vực kỹ thuật số, các công ty đa quốc gia trong lĩnh vực kỹ thuật số đang phát triển nhanh và thay đổi bản chất của đầu tư xuyên biên giới. Cùng với quá trình hội nhập sâu rộng, các doanh nghiệp Việt Nam đang khai thác có hiệu quả các Hiệp định FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, kim ngạch xuất khẩu nhập khẩu của nước ta đã và sẽ tiếp tục có nhiều cơ hội và cả sức ép cạnh tranh mới...

Ở trong nước, năm 2024 là năm thứ tư thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 với nhiệm vụ nặng nề là phấn đấu cao nhất để đạt được các mục tiêu đã đề ra trong bối cảnh các năm đầu của kỳ kế hoạch gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid -19 và biến động địa chính trị toàn cầu.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện bối cảnh tình hình, Đảng và Chính phủ đã đề ra các định hướng và giải pháp cơ bản nhằm thực hiện mục tiêu của năm 2024 là tiếp tục duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiên trì mục tiêu tăng trưởng, đảm bảo các cân đối lớn, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư và thúc đẩy sản xuất kinh doanh thời gian tới. Các tổ chức quốc tế uy tín tiếp tục đánh giá và dự báo tích cực về triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2024. Với độ mở lớn cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục đặt ra thách thức cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong năm 2024.

Trên cơ sở quan điểm, định hướng chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã quán triệt, cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch hành động, đặc biệt là bám sát tình hình biến động của kinh tế thế giới để linh hoạt trong điều hành, tập trung rà soát, tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, nhanh chóng những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đề ra; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm huy động mọi nguồn lực cho phát triển. Tình hình phát triển ngành Công Thương trong 9 tháng năm 2024 như sau:

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI 9 THÁNG NĂM 2024

1. Sản xuất công nghiệp

Tiếp tục đà tăng trưởng từ cuối năm 2023, sản xuất công nghiệp trong quý III/2024 tăng trưởng tích cực hơn quý trước, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp ước tăng 9,59% so với quý III/2023¹. **Tính chung 9 tháng năm 2024**, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 8,34% so với cùng kỳ năm trước, **đóng góp 2,71 điểm phần trăm** vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 9,76% (quý I tăng 7,21%; quý II tăng 10,39%; quý III tăng 11,41%), **đóng góp 2,44 điểm phần trăm** vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế (GDP 9 tháng ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,11%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,83%, đóng góp 0,06 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 7,01%, làm giảm 0,22 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Trong tháng 9/2024, do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi) đã làm đứt mạch tăng trưởng sản xuất sau 5 tháng tăng liên tục, khiến chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 9 giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm (đạt 47,3 điểm so với mức 52,4 điểm của tháng 8). Do vậy, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong tháng 9/2024 có sự giảm nhẹ so với tháng trước (giảm 0,2%), tuy nhiên, nhờ đà phục hồi tích cực của sản xuất công nghiệp trong những tháng vừa qua nên chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 9/2024 vẫn tăng tới 10,8% so với cùng kỳ năm trước.

¹ Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp quý III các năm 2012-2024 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 8,17%; 4,85%; 6,59%; 9,29%; 7,9%; 9,93%; 9,45%; 9,38%; 2,38%; -4,6%; 10,69%; 4,51%; 9,59%.

Tính chung 9 tháng năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tính tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 chỉ tăng 0,3%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,9% (cùng kỳ năm 2023 chỉ tăng 0,2%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,1% (cùng kỳ năm 2023 tăng 2,6%); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,9% (cùng kỳ năm 2023 tăng 4,9%); riêng ngành khai khoáng giảm 6,5% (cùng kỳ năm 2023 giảm 3%).

Chỉ số sản xuất 9 tháng năm 2024 của một số ngành trọng điểm thuộc ngành công nghiệp cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước, như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 28,8%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 24,7%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 18,8%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 16,9%; sản xuất xe có động cơ tăng 13,0%; dệt tăng 12,8%; sản xuất kim loại tăng 12,3%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 12,0%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11,6%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 9,1%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 7,8%. **Ở chiều ngược lại,** chỉ số IIP của một số ngành tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất đồ uống tăng 0,4%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 0,3%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 3,7%; khai thác than cứng và than non giảm 4,2%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 11,5%.

Sản xuất công nghiệp tăng trên diện rộng khi chỉ số sản xuất công nghiệp trong 9 tháng tăng ở 60/63 địa phương. Đặc biệt, một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao ở mức hai con số do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hoặc ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao (IIP của Lai Châu tăng 43,3%; Trà Vinh tăng 41,9%; Phú Thọ tăng 38,7%; Khánh Hòa tăng 36,4%; Bắc Giang tăng 27,7%; Sơn La tăng 27,3%; Thanh Hoá tăng 20,4%...).

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực 9 tháng năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ năm trước, như: Thép thanh, thép góc tăng 26,7%; xăng, dầu tăng 20,3%; thép cán tăng 16,8%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 15,9%; đường kính tăng 13,5%; phân hỗn hợp NPK tăng 13,3%; sữa bột tăng 12,1%; ô tô tăng 11,9%. **Ở chiều ngược lại,** một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước, như: Khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 16,5%; khí hóa lỏng LPG giảm 15,0%; điện thoại di động giảm 7,6%; dầu mỏ thô khai thác giảm 5,9%; than đá (than sạch) giảm 4,2%; bia giảm 2,8%; Alumin giảm 2,3%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng năm 2024 tăng tới 12,5% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 chỉ tăng 0,6%). Trong khi đó, **chỉ số tồn kho** toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2024 tăng 5,2% so với cùng thời điểm tháng trước và chỉ tăng 8,5% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm trước tăng tới 19,4%). Đồng thời, **tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo** bình quân 9 tháng năm 2024 là 76,8% (so với mức bình quân 9 tháng năm 2023 là 85,3%)... là những dấu hiệu cho thấy sự phục hồi tích cực của sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/9/2024 mặc dù chỉ tăng 1,1% so với cùng thời điểm tháng trước nhưng tăng tới 5,2% so với cùng thời điểm năm trước cũng cho thấy sự gia tăng đơn hàng xuất khẩu, đòi hỏi các doanh nghiệp gia tăng sản xuất, cùng với đó là tăng nhu cầu sử dụng lao động phục vụ hoạt động sản xuất.

2. Về tình hình cung ứng điện tháng 9 và quý III năm 2024

*** Về tình hình cung ứng điện**

Lũy kế 9 tháng năm 2024, tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện quốc gia ước đạt 232,7 tỷ kWh, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 75,0% so với kế hoạch (310,6 tỷ kWh) được phê duyệt tại Quyết định số 924/QĐ-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024.

Trong tháng 9/2024, do ảnh hưởng bởi mưa lũ do bão số 3 và hoàn lưu bão số 3 gây ra khiến lưu lượng nước về các hồ thủy điện trên cả nước tăng cao, đa số lưu lượng nước về các hồ thủy điện tiếp tục cao hơn so với trung bình nhiều năm, các hồ thủy điện lớn khu vực phía Bắc vận hành theo Quy trình liên hồ, đơn hồ và tuân thủ điều hành của Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai và Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai các tỉnh, thành phố. Các nguồn thủy điện đã được huy động linh hoạt theo tình hình thủy văn thực tế. Các nguồn nhiệt điện được huy động hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của phụ tải, đảm bảo chất lượng điện năng, ổn định hệ thống. Các nguồn điện khí được huy động theo khả năng cấp khí và nhu cầu hệ thống hệ thống điện. Kết hợp với các giải pháp linh hoạt truyền tải điện năng liên miền, tình hình cung ứng điện từ đầu năm 2024 đến nay đã được thực hiện tốt, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt của nhân dân cả nước.

*** Về lộ trình tăng giá điện trong năm 2024 và các năm tiếp theo.**

Giá điện trong năm 2024 và các năm tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 05/2024/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, trong đó, giá điện được xem xét điều chỉnh nếu các thông số đầu vào trong chuỗi sản xuất - cung ứng điện biến động khách quan và các chi phí khác phục vụ trực tiếp cho việc sản xuất, cung ứng điện của EVN chưa được tính vào giá điện.

- Trường hợp giá bán điện bình quân tính toán giảm từ 1% trở lên so với giá bán điện bình quân hiện hành, EVN có trách nhiệm giảm giá bán điện bình quân ở mức tương ứng.

- Trường hợp giá bán điện bình quân cần điều chỉnh tăng từ 3% đến dưới 5% so với giá bán điện bình quân hiện hành, EVN quyết định điều chỉnh ở mức tương ứng. Trường hợp giá bán điện bình quân cần điều chỉnh tăng từ 5% đến dưới 10%, EVN được phép điều chỉnh ở mức tương ứng sau khi báo cáo và được Bộ Công Thương chấp thuận.

- Trường hợp giá bán điện bình quân cần điều chỉnh tăng từ 10% trở lên hoặc ảnh hưởng đến tình hình kinh tế vĩ mô, Bộ Công Thương chủ trì kiểm tra, rà soát và lấy ý kiến Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan và tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến.

Giá bán lẻ điện bình quân điều chỉnh phải phù hợp với khung giá quy định tại Quyết định số 02/2023/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân (mức giá bán lẻ điện bình quân tối thiểu là 1.826,22 đồng/kWh, tối đa là 2.444,09 đồng/kWh).

3. Về xuất nhập khẩu hàng hóa

Với sự phục hồi của thị trường thế giới, các đơn hàng xuất khẩu gia tăng nên hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta trong 9 tháng năm 2024 đã có những khởi sắc và đạt được những kết quả tích cực.

Trong tháng 9/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 65,81 tỷ USD, mặc dù giảm 8% so với tháng trước nhưng vẫn tăng tới 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu sơ bộ đạt 34,05 tỷ USD, giảm 9,9% so với tháng trước và tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,39 tỷ USD, giảm 14,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 24,66 tỷ USD, giảm 8,1%.

Tính chung 9 tháng, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 578,47 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ giảm 11%), trong đó xuất khẩu tăng 15,4% (cùng kỳ giảm 8,2%); nhập khẩu tăng 17,3% (cùng kỳ giảm 13,9%). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,79 tỷ USD. Cụ thể:

3.1. Về xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 9/2024 sơ bộ đạt 34,05 tỷ USD, giảm 9,9% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,39 tỷ USD, giảm 14,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 24,66 tỷ USD, giảm 8,1%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 9 sơ bộ tăng 10,7%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 16,0%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 8,8%.

Trong quý III/2024, kim ngạch xuất khẩu sơ bộ đạt 108,6 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10,6% so với quý II/2024.

Tính chung 9 tháng, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 299,63 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 83,47 tỷ USD, tăng 20,7%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 216,16 tỷ USD, tăng 13,4%, chiếm 72,1%. Qua đó cho thấy tín hiệu tích cực trong hoạt động xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp 100% vốn trong nước, khi tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của khu vực này cao gần gấp đôi so với khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong 9 tháng, có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD,

chiếm 92,3% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66,4%).

- *Về xuất khẩu các nhóm hàng*: xuất khẩu tăng trưởng mạnh và đồng đều ở cả 03 nhóm hàng, cụ thể:

+ *Kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sơ bộ* đạt 28,8 tỷ USD, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 9,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Trong nhóm này, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: hạt tiêu tăng 45%; cà phê tăng 37,8%; gạo tăng 23%; chè các loại tăng 31,9%; rau quả tăng 33,9%; nhân điều tăng 21,7%.

+ *Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến chế tạo sơ bộ* đạt 253,9 tỷ USD, chiếm 84,7% tổng kim ngạch xuất khẩu và tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 giảm 9,6%). Kim ngạch xuất khẩu của nhiều nhóm sản phẩm công nghiệp chế biến đạt mức tăng trưởng cao ở mức hai con số, trong đó có các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như: sản phẩm chất dẻo tăng 30,8%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 21,5%; hàng dệt và may mặc tăng 8,9%; giày dép các loại tăng 12,5%; sắt thép các loại tăng 14,7%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 27,4%; máy ảnh, máy quay phim và linh kiện tăng 30%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 22%; điện thoại các loại và linh kiện tăng 7,2%...

+ *Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản* 9 tháng ước đạt 3,1 tỷ USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2023.

- *Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 9 tháng năm 2024*: Kim ngạch xuất khẩu tới hầu hết các thị trường, đối tác thương mại lớn của nước ta đều có sự phục hồi tích cực và đạt mức tăng trưởng cao. Trong đó, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 89,4 tỷ USD, chiếm 29,8% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước và tăng 27,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 17,6%); tiếp đến là thị trường Trung Quốc ước đạt 43,56 tỷ USD, tăng nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 2%); thị trường EU ước đạt 38,1 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 8,2%); Hàn Quốc ước đạt 18,9 tỷ USD, tăng 7% (cùng kỳ năm 2023 giảm 5,1%); Nhật Bản ước đạt 18 tỷ USD, tăng 4,7% (cùng kỳ năm 2023 giảm 3%).

3.2. Về nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2024 sơ bộ đạt 31,76 tỷ USD, giảm 5,9% so với tháng trước nhưng tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,94 tỷ USD, giảm 10%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 20,82 tỷ USD, giảm 3,6%.

Tính chung 9 tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 278,84 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 100,85 tỷ USD, tăng 18,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 177,99 tỷ USD, tăng 16,5%.

Trong 9 tháng năm 2024 có 40 mặt hàng nhập khẩu đạt giá trị trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 91,5% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 3 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 45%).

- *Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu:* Cùng với sự phục hồi của sản xuất và xuất khẩu trong 9 tháng năm 2024 nên cơ cấu hàng hóa nhập khẩu cũng có sự chuyển biến khi chiếm 89% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu là nhóm hàng cần nhập khẩu (trong đó bao gồm máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng và nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước), với kim ngạch sơ bộ đạt 248 tỷ USD, tăng tới 18,1% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sơ bộ đạt 79,1 tỷ USD, tăng tới 25,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước giảm 1,5%); tiếp đến là kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt tỷ 35,4 tỷ USD, tăng 16,6% (cùng kỳ năm trước giảm 11,1%). Tương tự, kim ngạch nhập khẩu hầu hết các mặt hàng khác cũng ghi nhận mức tăng khá cao như: thép các loại tăng 18,9%; chất dẻo nguyên liệu tăng 18,1%; nguyên phụ liệu dệt may, da giấy tăng 18,3%; vải các loại tăng 14,3%.

Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng cần hạn chế nhập khẩu trong 9 tháng sơ bộ đạt gần 15 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tăng cao nhất là kim ngạch nhập khẩu hàng điện gia dụng và linh kiện, tăng 19,6%; Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh tăng 17,1% và rau quả tăng 14%.

- *Về thị trường nhập khẩu hàng hóa:* Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch sơ bộ đạt 105 tỷ USD, chiếm gần 38% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước và tăng tới 32,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 13,6%); tiếp theo là Hàn Quốc ước đạt 41,46 tỷ USD, tăng 8,2% (cùng kỳ năm 2023 giảm 20,1%); ASEAN đạt 33,8 tỷ USD, tăng 12,3% (cùng kỳ năm 2023 giảm 14,5%); Nhật Bản đạt 16 tỷ USD, tăng 2,4%; EU đạt 12,2 tỷ USD, tăng 9,8%; Hoa Kỳ đạt 10,9 tỷ USD, tăng 6,2%.

3.3. Cán cân thương mại hàng hóa

Cán cân thương mại tháng 9/2024 tiếp tục thặng dư khoảng 2,29 tỷ USD, nâng tổng xuất siêu của nước ta trong 9 tháng năm 2024 khoảng 20,79 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 22,1 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 17,38 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 38,17 tỷ USD.

Tính theo khu vực thị trường, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 78,5 tỷ USD tăng 31% so với cùng kỳ năm trước; xuất siêu sang EU ước đạt 25,9 tỷ USD, tăng 20,8%; xuất siêu sang Nhật Bản ước đạt 1,9 tỷ USD, tăng 28,8%.

4. Về công tác phòng vệ thương mại

4.1. Công tác khởi kiện

Công tác khởi kiện, điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM tiếp tục được đẩy mạnh nhằm tạo lập lại môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các ngành sản xuất trong nước trước bối cảnh nhiều hàng hóa nhập khẩu có dấu hiệu bán phá

giá hoặc được trợ cấp, gây thiệt hại nghiêm trọng cho một số ngành sản xuất trong nước.

Bộ Công Thương đã khởi xướng điều tra 29 vụ việc PVTM và đã áp dụng 22 biện pháp với hàng hóa nhập khẩu. Cục PVTM tiếp tục triển khai công tác điều tra, rà soát các vụ việc PVTM. Cụ thể gồm: tiếp tục điều tra, rà soát 07 vụ việc đã khởi xướng trong năm 2023; khởi xướng điều tra 02 vụ việc mới, khởi xướng rà soát 02 vụ việc rà soát cuối kỳ; tiếp nhận và xử lý 09 hồ sơ đề nghị điều tra và rà soát mới.

Hiện tại, trong số 29 vụ việc điều tra thì đang có 17 biện pháp PVTM có hiệu lực. Các biện pháp này đã góp phần bảo đảm môi trường thương mại công bằng nhằm ngăn chặn tác động tiêu cực của hàng nhập khẩu đến sản xuất trong nước và lao động, việc làm, bảo đảm an ninh kinh tế và an sinh xã hội, tăng thu cho ngân sách nhà nước khoảng 1,5 nghìn tỷ mỗi năm.

4.2. Công tác kháng kiện

Tính đến hết tháng 8 năm 2024, đã có 257 vụ việc điều tra PVTM từ 24 thị trường và vùng lãnh thổ điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Trong đó, các vụ điều tra chống bán phá giá là 141 vụ việc; các vụ việc tự vệ là 52 vụ việc; chống lẩn tránh biện pháp PVTM là 37 vụ việc và chống trợ cấp là 27 vụ việc.

Bộ Công Thương đã cập nhật danh sách cảnh báo các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra PVTM, chống lẩn tránh PVTM (danh sách cập nhật vào tháng cuối hàng quý) gửi các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan để phối hợp theo dõi. Công tác cảnh báo sớm cũng như hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các vụ việc PVTM do nước ngoài khởi xướng điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam thời gian qua đã đem lại một số kết quả tích cực. Nhờ đó, các doanh nghiệp xuất khẩu không bị áp thuế PVTM hoặc bị áp thuế ở mức thấp, góp phần giữ vững và mở rộng thị trường xuất khẩu.

5. Về thị trường trong nước

*** Tình hình thị trường chung**

Trong tháng 9, thị trường hàng hóa tại các tỉnh miền Bắc do chịu ảnh hưởng lớn của cơn bão số 3 (bão Yagi) nên nhu cầu tăng cao, tập trung vào các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ khô. Bão và hoàn lưu bão gây mưa lớn, lũ lụt ngập úng làm thiệt hại nhiều diện tích trồng rau, hoa màu nên giá rau tại một số tỉnh phía Bắc có thời điểm tăng cao cục bộ. Trong giai đoạn các tỉnh phía Bắc bị bão, lũ, theo chỉ đạo của Bộ Công Thương, về cơ bản nguồn cung hàng hóa đã được Sở Công Thương các địa phương chỉ đạo các doanh nghiệp phân phối, tiểu thương kinh doanh tại các chợ có phương án bảo đảm duy trì thường xuyên cho thị trường. Đối với các khu vực chưa bị ngập lụt, chia cắt, tình hình cung ứng hàng hóa luôn được bảo đảm, giá hàng hóa tại các hệ thống phân phối hiện đại được giữ ổn định; tại các chợ truyền thống, giá một số loại rau, củ, thịt lợn, mỳ có tăng nhưng không đột biến, nguồn cung được bổ sung thường xuyên từ

việc điều phối của các doanh nghiệp từ phía Nam và từ nhập khẩu của Trung Quốc nên hầu như không có hiện tượng thiếu hàng tăng giá bất hợp lý.

Đối với các khu vực bị ngập, lụt, chia cắt, Sở Công Thương và các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đã phối hợp với các lực lượng chức năng trên địa bàn, cung ứng các mặt hàng như nhu yếu phẩm như mì, lương khô, bánh mì, bánh trung, nước uống đóng chai... đến cho người dân. Đối với các mặt hàng thiết yếu khác, nguồn cung và nhu cầu không có biến động lớn, thị trường nhìn chung bình ổn, một số mặt hàng nhóm nhiên liệu, năng lượng, giá trong nước biến động theo giá thế giới.

Tháng 9 cũng là là thời điểm bắt đầu vào năm học mới nên nhu cầu đối với các mặt hàng đồ dùng học tập tăng. Bên cạnh đó nhu cầu các mặt hàng bánh trung thu, hoa, quả cũng tăng trong dịp Tết Trung Thu. Trên thị trường, nguồn cung các hàng hóa dồi dào, đa dạng nên giá không tăng bất thường.

Nhìn chung, trong tháng 9/2024, nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của du lịch đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng của ngành thương mại dịch vụ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9/2024 ước tính tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất kể từ đầu năm đến nay.

Một số địa phương (chủ yếu là các địa phương trọng điểm về du lịch) có doanh thu bán lẻ hàng hóa trong 9 tháng cao so với cùng kỳ năm trước như: Quảng Ninh tăng 10,4%; Hải Phòng tăng 9,3%; Cần Thơ tăng 7,7%; Đà Nẵng tăng 7,4%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,2%; Hà Nội tăng 7,0%.

*** Về công tác quản lý thị trường (QLTT)**

Trong 9 tháng năm 2024, tình hình vi phạm về kinh doanh hàng hóa nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng giả và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm về an toàn thực phẩm vẫn diễn biến phức tạp, nhất là vào các thời điểm lễ tết, kỳ nghỉ dài ngày do nhu cầu tiêu dùng thực phẩm của người dân tăng cao, hoạt động sản xuất, vận chuyển, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm trở nên sôi động.

Hàng hóa nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng giả và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ được đối tượng tập kết tại khu vực biên giới hoặc các kho hàng trung chuyển trên tuyến lưu thông để thẩm lậu vào tiêu thụ nội địa. Vi phạm chủ yếu phát hiện đối với nhóm hàng có nhu cầu cao như thời trang, mỹ phẩm, thiết bị điện, thực phẩm.

Đáng chú ý, vào dịp chuẩn bị cho Tết Trung thu năm nay, một số đối tượng đã tập trung đưa nhiều hàng hóa nhập lậu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ là các loại thực phẩm, rượu, bia, bánh kẹo, đồ chơi trẻ em, đặc biệt là bánh trung thu ra thị trường tiêu thụ, gây ảnh hưởng sức khỏe của người sử dụng. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng cơn bão số 3 (Yagi) nguồn cung lương thực, thực phẩm và các nhu

yếu phẩm thiết yếu cho người dân tại một số tỉnh thành còn gặp khó khăn, giá cả một số mặt hàng tăng cao.

Thuốc lá điếu, thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, khí bóng cười (N₂O): những tháng đầu năm, tỷ trọng các vụ việc vi phạm đối với thuốc lá điếu giảm so với vi phạm về thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng với các hành vi vi phạm chủ yếu như: nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, không rõ chất lượng. Các tỉnh, thành phố đang là điểm nóng về vi phạm đối với mặt hàng này như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Long An, Khánh Hoà, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Lào Cai, Quảng Ninh, Bắc Ninh..., thay vì trước đây các đối tượng tự vận chuyển, thuê người vận chuyển thì nay được trà trộn trong các kiện hàng và gửi qua các đơn vị dịch vụ giao nhận, chuyển phát, sử dụng số điện thoại không chính chủ để giao dịch, mua bán nên rất khó phát hiện.

Lĩnh vực thương mại điện tử: đa số các thương nhân tổ chức kho hàng gần cửa khẩu và thiết lập các điểm livestream chốt đơn hàng ở các tỉnh thành phố; giao hàng thông qua đơn vị chuyển phát. Các tài khoản chào hàng trung gian, địa điểm tiếp nhận đơn và chuyển hàng được bố trí ở nhiều địa điểm khác nhau. Nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ ký gửi hàng hoá và sử dụng những người nổi tiếng, nhiều lượt theo dõi trên trang cá nhân để livestream, chốt đơn hàng. Do tốc độ lưu chuyển hàng hoá nhanh nên số lượng, chủng loại hàng hoá tại các kho tương đối lớn và thường xuyên biến động. Trong 9 tháng năm 2024, lực lượng QLTT tập trung giám sát, kiểm tra trong lĩnh vực này và phát hiện nhiều vi phạm trên phạm vi cả nước. Số hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, lĩnh vực y tế, giá, niêm yết giá, tiêu chuẩn đo lường, nhãn hàng hóa được lực lượng QLTT phát hiện giảm so với cùng kỳ năm 2023; các hành vi vi phạm về nguồn gốc xuất xứ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), an toàn thực phẩm, nông nghiệp, đặc biệt, lĩnh vực thương mại điện tử (TMĐT) tăng so với cùng kỳ năm 2023. Năm 2024, Bộ Công Thương tập trung chỉ đạo lực lượng tăng cường đấu tranh phòng chống sản xuất, kinh doanh hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ trong TMĐT.

Kết quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường:

Tháng 9/2024: Từ ngày 15/8/2024 đến 14/9/2024, lực lượng QLTT đã kiểm tra 5.988 vụ, phát hiện, xử lý 3.617 vụ vi phạm, thu nộp NSNN trên 49 tỷ đồng.

9 tháng năm 2024: Từ 15/12/2023 đến 14/9/2024 lực lượng QLTT đã kiểm tra 54.667 vụ, phát hiện, xử lý 38.102 vụ vi phạm. Tổng số tiền xử lý là 712 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ năm 2023); trong đó, xử phạt vi phạm hành chính 368 tỷ đồng (tăng 10%), trị giá hàng hóa tịch thu gần 168 tỷ đồng (tăng 11%), trị giá hàng hóa buộc tiêu hủy trên 176 tỷ đồng (tăng 87%). Đã thu nộp ngân sách nhà nước 438 tỷ đồng (tăng 13%).

6. Về công tác quản lý mặt hàng xăng dầu

6.1. Tình hình giá xăng dầu thế giới

Giá dầu thô trên thị trường thế giới trong tháng 9/2024 (tính đến hết ngày 25/9/2024) có xu hướng giảm so với tháng 8/2024. So với bình quân tháng 8/2024, giá dầu thô bình quân tháng 9/2024 (tính đến hết ngày 25/9/2024) như sau: giá dầu Brent (bình quân 73,052 USD/thùng) giảm 7,4%, giá dầu WTI (bình quân 69,614 USD/thùng) giảm 7,7%. Giá dầu Brent ở mức 73,460 USD/thùng, giá dầu WTI ở mức 69,690 USD/thùng (giá ngày 25/9/2024).

Giá Platts của các mặt hàng xăng dầu bình quân tháng 8 và tháng 9/2024

Đơn vị: USD/thùng & USD/Tấn (Mazút)

Tháng	Xăng RON 92	Xăng RON 95	Dầu hoả	Điêzen 0,05S	Mazút 3,5S
Bình quân tháng 8/2024	84,702	88,938	91,478	90,692	456,026
Bình quân tháng 9/2024 (hết ngày 25/9/2024)	78,681	83,049	84,677	83,372	428,424
Tháng 9/2024 so với tháng 8/2024 (%)	-7,1	-6,6	-7,4	-8,1	-6,1

6.2. Giá bán trong nước

Về giá bán: Qua 39 lần điều chỉnh giá từ đầu năm đến nay, giá bán các mặt hàng xăng dầu hiện nay (tại kỳ điều hành ngày 26/9/2024) như sau: Xăng E5RON92 không cao hơn 19.620 đồng/lít; Xăng RON95-III không cao hơn 20.518 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S không cao hơn 17.506 đồng/lít; Dầu hỏa không cao hơn 17.873 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S không cao hơn 15.357 đồng/kg.

Về quỹ bình ổn xăng dầu: Tại kỳ điều hành ngày 26/9/2024, không trích lập, không chi sử dụng Quỹ bình ổn đối với tất cả các mặt hàng xăng dầu.

6.3. Công tác điều hành giá các mặt hàng xăng dầu và Quỹ bình ổn giá

Thời gian qua, Bộ Công Thương luôn phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, thực hiện nhất quán, đúng quy định (trong việc tính toán, xác định, điều hành giá) tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Nghị định 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 80/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu; các Thông tư hướng dẫn và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Kể từ khi thực hiện điều hành giá xăng dầu rút xuống 7 ngày theo Nghị định số 80/2023/NĐ-CP, giá xăng dầu trong nước phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới, cùng với các loại chi phí kinh doanh xăng dầu được cập nhật kịp thời, đã tạo động lực cho doanh nghiệp tạo nguồn xăng dầu cung ứng đầy đủ nhu cầu cho thị trường nội địa.

Với việc thực hiện chu kỳ điều hành giá 7 ngày/lần như hiện nay mức biến động giá giữa hai lần điều chỉnh cơ bản không lớn, giá xăng dầu trong nước

đã cơ bản bám sát diễn biến giá thế giới, các doanh nghiệp đã chủ động tính toán được mức giá, lên kế hoạch nhập hàng theo phân giao tổng nguồn tối thiểu năm 2024 của Bộ Công Thương và kế hoạch đăng ký theo từng Quý, nguồn cung xăng dầu cơ bản được đảm bảo.

Do đó tác động của điều chỉnh giá bán xăng dầu đến tình hình kinh tế - xã hội không lớn, hầu như không phải dùng đến Quỹ Bình ổn giá xăng dầu để bình ổn giá xăng dầu, góp phần thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể kinh doanh và sử dụng xăng dầu.

Bộ Công Thương sẽ tiếp tục theo dõi sát diễn biến giá xăng dầu thế giới, phối hợp với Bộ Tài chính điều hành giá xăng dầu theo quy định.

6.4. Công tác bảo đảm nguồn cung mặt hàng xăng dầu

Năm 2024, để đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong nước, Bộ Công Thương đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-BCT ngày 02/1/2024 triển khai Công điện số 1437/Đ-ĐTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung thực hiện các giải pháp bảo đảm cung ứng đủ xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các các thương nhân kinh doanh xăng dầu:

(i) Thực hiện nghiêm túc các Công điện của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị của Bộ Công Thương.

(ii) Thực hiện nghiêm túc kế hoạch sản xuất đã đăng ký, chủ động nguồn cung xăng dầu, thực hiện việc dự trữ xăng dầu phù hợp, bảo đảm cung cấp xăng dầu cho các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo sản lượng, thời gian.

(iii) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2024 đã được phân giao và kế hoạch thực hiện tổng nguồn hàng quý đã đăng ký, chủ động nguồn cung xăng dầu, thực hiện việc dự trữ xăng dầu theo quy định, duy trì hoạt động bán hàng thường xuyên, liên tục, nhất là các dịp cao điểm, bảo đảm cung cấp đầy đủ xăng dầu cho thị trường trong mọi tình huống. Chú trọng chia sẻ nguồn cung, chia sẻ lợi nhuận trong hệ thống phân phối hợp lý nhằm đảm bảo không bị gián đoạn việc cung ứng xăng dầu.

Theo báo cáo của 2 nhà máy và Tổng cục Hải quan, tổng nguồn sản xuất và nhập khẩu xăng dầu 8 tháng năm 2024 đạt khoảng 19,6 triệu m³/tấn xăng dầu các loại (nhập khẩu chiếm 42%, sản xuất trong nước chiếm 58%).

Theo báo cáo từ các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, tổng nguồn nhập khẩu và mua trong nước thực hiện 8 tháng đầu năm 2024 đạt 18,16 triệu m³/tấn xăng dầu các loại, bằng 63,7% tổng nguồn tối thiểu Bộ Công Thương phân giao, bằng với 8 tháng đầu năm 2023 (8 tháng đầu năm 2023 đạt 18,17 triệu m³/tấn xăng dầu các loại).

- Tiêu thụ 8 tháng đầu năm 2024: khoảng 18 triệu m³ tấn (bình quân tiêu thụ khoảng 2,25 triệu m³/tấn/tháng xăng dầu các loại), tăng 4% so với cùng kỳ năm 2023

- Tồn kho thời điểm 8 tháng năm 2024: khoảng 1,95 triệu m³/tấn, tăng khoảng 8% so với cùng kỳ năm 2023.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG CÁC THÁNG CUỐI NĂM

1. Về những thuận lợi và thách thức thời gian tới

Trong những tháng cuối năm 2024, hoạt động sản xuất và thương mại của nước ta, nhất là xuất khẩu sang các thị trường trọng điểm như châu Âu, châu Mỹ sẽ tiếp tục có cả những thuận lợi và thách thức.

Về thuận lợi:

Kinh tế thế giới năm 2024 được dự báo là “hạ cánh an toàn”, tuy nhiên tăng trưởng kinh tế của một số đối tác lớn của Việt Nam có nhiều khác biệt.

Tình hình tài khóa - tiền tệ toàn cầu đang có dấu hiệu nói lỏng hơn khi các chính sách tài khóa tại nhiều quốc gia trở nên hỗ trợ tăng trưởng hơn; Quý III/2024 đánh dấu sự phục hồi tích cực của thương mại toàn cầu (mặc dù không đồng đều giữa các ngành và khu vực);

Xu hướng lạm phát toàn cầu đang dần hạ nhiệt mặc dù vẫn còn nhiều thách thức (ngày 18/9/2024, FED đã cắt giảm lãi suất cơ bản thêm 50 điểm, lần đầu tiên sau hơn 4 năm nhằm kích cầu tiêu dùng, đầu tư, sản xuất kinh doanh); sức ép lên tỷ giá USD/VND giảm khi FED cắt giảm lãi suất, góp phần giảm chi phí nhập khẩu;

Nhu cầu tiêu thụ cuối năm tại các thị trường lớn như Mỹ và EU sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy xuất khẩu, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, hàng tiêu dùng, và dệt may (các nhà bán lẻ toàn cầu tăng cường dự trữ hàng hóa cho các dịp lễ lớn). Ngoài ra, xuất khẩu dệt may của nước ta sẽ được hưởng lợi trong ngắn hạn khi các đơn hàng xuất khẩu được dịch chuyển từ Bangladesh.

Thị trường các FTA tiếp tục có tác động tích cực, duy trì lợi thế của Việt Nam trong hoạt động thương mại, đầu tư...

Tuy nhiên, cũng còn nhiều rủi ro và thách thức khó đoán định:

Diễn biến địa chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn, thách thức, yếu tố rủi ro, bất định, đặc biệt là căng thẳng địa chính trị và xung đột vũ trang ở châu Âu và Trung Đông;

Thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục tác động nặng nề... làm tốc độ phục hồi kinh tế, tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại;

Các nước phát triển quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề phát triển bền vững, an toàn cho người tiêu dùng tạo nên những tiêu chuẩn, quy định mới liên quan đến chuỗi cung ứng, nguyên liệu, lao động, môi trường khắt khe hơn đối với các sản phẩm nhập khẩu;

Giá cước vận tải biển chưa có xu hướng hạ nhiệt; những tác động tiêu cực của siêu bão Yagi đối với hoạt động sản xuất trong nước sẽ là khó khăn, thách

thức không hề nhỏ đối với sản xuất công nghiệp và thương mại của nước ta trong thời gian tới.

2. Nhiệm vụ, giải pháp những tháng cuối năm 2024

Để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2024, trong thời gian tới ngành Công Thương sẽ tập trung triển khai các nhiệm vụ như sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ. Đồng thời, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành gắn với đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tiếp tục đổi mới lề lối, phương thức làm việc, đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; chủ động phối hợp xử lý công việc gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động, tạo chuyển biến mạnh trong toàn hệ thống.

Hai là, chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng thể chế. Triển khai hiệu quả các Kế hoạch thực hiện Quy hoạch ngành quốc gia trong lĩnh vực năng lượng, khoáng sản đã được phê duyệt; Tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp có tính nền tảng. Hoàn thành có chất lượng và đúng thời hạn các nhiệm vụ được giao tại Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của ngành Công Thương năm 2024, đặc biệt là các dự án sửa đổi, bổ sung các luật (Luật Điện lực (sửa đổi), Luật Hóa chất, hồ sơ xây dựng Luật phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả) và các chiến lược, kế hoạch phát triển ngành.

Ba là, khẩn trương hoàn tất trình Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực năng lượng (điện, xăng dầu) như khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, cơ chế điện mặt trời mái nhà tự sản tự tiêu, chính sách phát triển điện gió ngoài khơi, cơ chế giá điện 2 thành phần, cơ chế khung giá các loại hình điện năng, Nghị định về kinh doanh xăng dầu; sửa đổi Nghị định 107 về kinh doanh xuất khẩu gạo, thành lập Hội đồng gạo quốc gia....

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm cơ cấu lại ngành Công Thương dựa trên nền tảng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm, khơi thông rào cản về thủ tục hành chính để triển khai các dự án sản xuất, khai khoáng mới, góp phần tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh, nhất là tập những khó khăn của doanh nghiệp do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (bão Yagi) để đưa các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng đi vào vận hành nhằm gia tăng năng lực sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thị trường xuất nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho sản xuất, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Năm là, tích cực tham mưu tổng kết cơ chế, chính sách về hội nhập kinh tế

quốc tế, nhất là việc thực hiện chính sách thu hút đầu tư FDI trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm khuyến khích, ràng buộc các doanh nghiệp FDI có sự lan tỏa, chia sẻ, hỗ trợ thực chất các doanh nghiệp trong nước để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng quản trị, hình thành các chuỗi cung ứng vật tư, nguyên liệu và cụm liên kết ngành, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt để từng bước tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Sáu là, tập trung khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực và ký kết, triển khai các Hiệp định mới để mở rộng, đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng. Tăng cường khai thác các thị trường lân cận, còn tiềm năng, chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch gắn với xây dựng thương hiệu, thúc đẩy xuất khẩu bền vững. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm củng cố thể chế về phòng vệ thương mại hướng tới bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Tiếp tục nâng cao việc sử dụng hiệu quả công cụ phòng vệ thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước và hỗ trợ hiệu quả các ngành xuất khẩu của Việt Nam ứng phó hiệu quả các vụ việc phòng vệ thương mại của nước ngoài.

Bảy là, phát triển mạnh thương mại nội địa để khai thác có hiệu quả thị trường trong nước; tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành địa phương theo dõi sát diễn biến tình hình thị trường, bảo đảm đủ nguồn cung các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu người dân, nhất là trong các dịp cao điểm lễ, Tết, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá. Tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành trong việc tham mưu điều hành giá các mặt hàng do nhà nước quản lý giá, trong đó có mặt hàng xăng dầu nhằm bảo đảm cung ứng xăng dầu trên thị trường, góp phần kiểm soát lạm phát chung theo mục tiêu của Chính phủ. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử để khai thác hiệu quả hơn sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng số hóa nền kinh tế; tăng cường hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, cạnh tranh không bình đẳng. Triển khai Luật Cạnh tranh, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng... nhằm bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh, bình đẳng cho doanh nghiệp, quyền lợi của người tiêu dùng.

Tám là, tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp để đảm bảo vận hành an toàn, ổn định các nhà máy điện trong thời gian tới (Công điện số 7287/CD-BCT ngày 19 tháng 9 năm 2024). Theo đó, các nhà máy điện cần có kế hoạch bảo dưỡng, duy tu hợp lý, khắc phục kịp thời sự cố các tổ máy để có thể phát tối đa công suất; Đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào (điện, than, khí) để phục vụ cho nhu cầu phát điện; Tiếp tục đảm bảo tiến độ hoàn thành các công trình về nguồn và lưới điện truyền tải; Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện và đẩy mạnh công tác truyền thông về tiết kiệm điện.

Chín là, tiếp tục thực hiện các giải pháp để bảo đảm nguồn cung xăng dầu trong nước: Thực hiện nghiêm túc các Công điện của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm cung ứng xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp. Theo dõi sát tình hình thực hiện tổng nguồn tối thiểu của các thương nhân đầu mối, nhất là những thương nhân thực hiện đạt thấp; phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố điều tiết, đảm bảo cân đối cung cầu xăng dầu trên từng địa bàn, trường hợp cần thiết điều chuyển tổng nguồn tối thiểu từ các thương nhân không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện cho các thương nhân đầu mối khác nhằm đảm bảo cung cầu trên thị trường. Chỉ đạo các thương nhân kinh doanh xăng dầu chủ động sản xuất, nhập khẩu bảo đảm cung cấp đầy đủ xăng dầu cho thị trường trong nước trong mọi tình huống; thực hiện nghiêm túc tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2024 được phân giao và dự trữ xăng dầu theo quy định; thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kế hoạch sản xuất, nhập khẩu, mua xăng dầu của các nhà máy Lọc dầu, dự trữ lưu thông (trong quá trình thực hiện nếu có nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Bộ Công Thương để kịp thời có giải pháp xử lý); tuyệt đối không để gián đoạn nguồn cung xăng dầu trong hệ thống kinh doanh (từ đầu mối, thương nhân phân phối, doanh nghiệp bán lẻ)/.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC (Locvt).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng